

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:192/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12/5/2022

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Xuân.
2. Ông Nguyễn Kim Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy cán bộ Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 330/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2022/QĐXX-ST ngày 01/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 247/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu L - Sinh năm: 1986.

Địa chỉ: 1208/9, tổ 4, ấp 3, xã A, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Thái Thanh H – Sinh năm: 1983

Địa chỉ: 1208/9, tổ 4, ấp 3, xã A, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 09/11/2021 và các bản tự khai và biên bản có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn Bà Trần Thị Thu L trình bày:

Bà L và Ông Thái Thanh H quen biết, tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 14, quyển số 01 ngày 16/2/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Bà L, vợ chồng chung sống không hạnh phúc vì Ông H tính tình ghen tuông vô cớ, trong cuộc sống Ông H gia trưởng bắt vợ làm theo ý không được tự do tín ngưỡng dẫn đến có Ông H có hành vi mắng chửi, không cho

quyền tự do cá nhân làm cho Bà L sống trong cuộc sống hỗn loạn. Bà L nhiều lần duy trì hôn nhân nhưng Ông H không thay đổi tính tình dẫn đến hôn nhân không đạt mục đích làm cho cuộc sống Bà L mệt mỏi và đau khổ trong hôn nhân. Do vậy Bà L xác định không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung, tình cảm vợ chồng đến nay đã không còn và không thể nào hàn gắn lại được, Bà L yêu cầu được ly hôn với Ông Thái Thanh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có ba con chung tên Thái Trần Khánh V, sinh ngày 01/2/2005 và cháu Thái B, sinh ngày 19/2/2009 (chết) và cháu Thái Quang H sinh ngày 07/7/2011. Hiện nay Thái Trần Khánh V đang ở cùng với Bà L còn cháu Thái Quang H đang ở Ông H. Bà L đề nghị được trực tiếp nuôi hai trẻ, không yêu cầu Ông H cấp dưỡng. Nếu nguyện vọng trẻ ở với Ông H thì Bà L đồng ý theo nguyện vọng trẻ.

Về tài sản chung: Có, Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà L xác định không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để mời Ông H trình bày ý kiến hay đưa ra các yêu cầu của mình, đồng thời tham gia hòa với Bà L nhưng Ông H không đến tòa, tuy nhiên Ông H chỉ bản tự khai ngày 04/1/2022 trình bày:

Về hôn nhân có đăng ký kết hôn theo trình bày Bà L, do trong quá trình sống chung thời gian gần đây hai vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân là cãi nhau, tính tình chưa hiểu nhau, điều kiện kinh tế thấp nên Ông H Bà L cãi vã nhưng không đến mức độ phải ly hôn. Ông H còn thương vợ rất nhiều nên cho Ông H hai tháng thuyết phục vợ đoàn tụ nếu sau đó không thuyết phục được thì Tòa cho ly hôn.

Về con chung: Có ba con chung tên Thái Trần Khánh V, sinh ngày 01/2/2005 và cháu Thái B, sinh ngày 19/2/2009 (chết) và cháu Thái Quang H sinh ngày 07/7/2011. Hiện nay cháu Thái Trần Khánh V đang ở cùng với Bà L còn cháu Thái Quang H đang ở Ông H. Trong trường hợp ly hôn Ông H đề nghị được trực tiếp nuôi hai trẻ, không yêu cầu Bà L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Có, tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Ông H xác định không có.

- Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè: Qua kiểm sát giải quyết vụ án thì từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình và tuân thủ nội quy phiên tòa. Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, do cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn sâu sắc, không hòa giải được đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận do có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Về con chung theo nguyện vọng trẻ Thái Trần Khánh V và trẻ Thái Quang H ở với Bà L do đó đề nghị giao trẻ cho Bà L được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu Ông H cấp dưỡng. Về tài sản chung cả hai bên không yêu cầu cho nên không đề nghị không giải quyết phần này cũng như nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trần Thị Thu L yêu cầu ly hôn với Ông Thái Thanh H. Do Ông H có nơi cư trú tại huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Thu L có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét đơn khởi kiện ngày 09/11/2021 của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Trần Thị Thu L xin ly hôn với Ông Thái Thanh H với lý do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra xuất phát từ việc hai người đến với nhau không phải vì tình yêu thương chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống bất đồng quan điểm dẫn đến gia đình không có tiền nói chung mâu thuẫn trầm trọng nhiều năm cũng như hai bên đã tự hòa giải trong gia đình để duy trì hôn nhân nhưng không thành. Theo trình bày Ông H nguyên nhân mâu thuẫn là cãi nhau, tính tình chưa hiểu nhau, điều kiện kinh tế thấp nên Ông H Bà L cãi vã.

Vì vậy, trong cuộc sống gia đình Ông H Bà L không có tiếng nói chung mâu thuẫn kéo dài hạnh phúc không đạt ở hôn nhân.

Xét thấy trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Ông H trình bày mâu thuẫn hai vợ chồng thường xuyên xảy ra hàn gắn nhiều lần mà không sống chung được, vợ bỏ đi. Đồng thời công văn số: 46/TANB ngày 15/2/2022 xác minh tình trạng hôn nhân tại Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà L và Ông H là có thật và khả năng hàn gắn không còn, đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của Bà Trần Thị Thu L đối với Ông Thái Thanh H.

Về con chung: Có ba con chung tên Thái Trần Khánh V, sinh ngày 01/2/2005 và cháu Thái B, sinh ngày 19/2/2009 (chết) và cháu Thái Quang H sinh ngày 07/7/2011. Do đó Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần nguyện vọng hai trẻ. Hiện do Bà L là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Vy và cháu Hy cũng theo nguyện vọng cháu Vy và cháu Hy được ở với Bà L để tiếp tục đi học. Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu Bà L giao cháu Vy và cháu Hy cho Bà

L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét Ông H là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Vy và cháu Hy theo quy định Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Mặc khác, Bà L không yêu cầu Ông H cấp dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận Bà L không yêu cầu Ông H cấp dưỡng cho cháu Vy và cháu Hy.

Ông H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở Ông H thực hiện quyền này.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Toà án có thể ra quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Có, Bà L , Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Bà L , Ông H xác định không có. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xét án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nguyên đơn Bà Trần Thị Thu L có giá ngạch 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 91, Điều 147, Điều 225, Điều 227, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Điều 83 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trần Thị Thu L ly hôn với Ông Thái Thanh H. Giấy chứng nhận số: 14, quyển số 01 ngày 16/2/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh không có giá trị pháp lý kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Có ba con chung tên Thái Trần Khánh V, sinh ngày 01/2/2005 và cháu Thái B, sinh ngày 19/2/2009 (chết) và cháu Thái Quang H sinh ngày 07/7/2011. Buộc Ông Thái Thanh H giao trẻ Vy và trẻ Hy cho Bà

Trần Thị Thu L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Thái Thanh H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Ông Thái Thanh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở Ông H thực hiện quyền này.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thu L và Ông Thái Thanh H tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Bà Trần Thị Thu L và Ông Thái Thanh H khai không có nên không xem xét giải quyết.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Nguyên đơn Bà Trần Thị Thu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0037243 ngày 19/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Bà L đã nộp đủ án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP-VKSNDTP;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Lưu HS-VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Hồng